

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HS-PT

Ngày: 02-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Bạch Đăng Thi.

Các thẩm phán : Ông Ngô Quang Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 106/2018/TLPT-HS ngày 20/6/2018 đối với các bị cáo Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn X, Ngụy Văn N, Vũ Văn T4, Phạm Trọng T5, Nguyễn Văn U' do có kháng cáo của các bị cáo T, T1, T2, T3, X, N, T4, T5 và U' đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Các bị cáo có kháng cáo :

1. Ngụy Đình T, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; bố: Ngụy Đình S (đã chết); mẹ: Nguyễn Thị B (đã chết); vợ: Ngụy Thị S1; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền sự, tiền án: Không;

nhân thân: Năm 2008 bị Tòa án huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; ngày 19/7/2011, bị Tòa án tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với bản án của tòa án huyện Quế Võ buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 bản án là 02 năm 3 tháng 3 ngày tù; bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ 07/5/2017 đến 06/6/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình T1, sinh năm 1971; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; bố: Nguyễn Đình S (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị B (đã chết); vợ: Nguyễn Thị C; có 2 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 1992, bị Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm 9 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xử phạt 11 tháng 23 ngày tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, Năm 2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 03 tháng 19 ngày tù về tội “Đánh bạc”; bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2017 đến ngày 06/6/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn T2, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn T,, xã TD, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; bố: Phạm Văn K; mẹ: Trần Thị N1; vợ: Hoàng Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2017 đến ngày 16/5/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn YT, xã YL, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; bố: Nguyễn Văn Đ; Mẹ: Dương Thị M (đã chết); vợ: Nguyễn Thị T6; có 02 con: lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xử phạt 07 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2017 đến ngày 16/5/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn X, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn YT, xã YL, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa 6/12; bố: Nguyễn Văn K1; mẹ: Đàm Thị S2; vợ: Nguyễn Thị H1; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 40/2015 ngày 12/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thử thách 12 tháng; bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2017 đến ngày 16/5/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Ngụy Văn N, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; bố: Ngụy Văn Q; mẹ: Ngụy Thị H2; vợ: Ngụy Thị N2; có 02 con: lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù về tội Đánh bạc; bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2017 đến ngày 16/5/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Phạm Trọng T5, sinh năm 1964; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TH, xã T, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/10; bố: Phạm Trọng T7 (đã chết); mẹ: Lương Thị K (đã chết); vợ: Ngụy Thị L; có 2 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1991; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Năm 2008, bị Công an huyện Yên Dũng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2017 đến ngày 06/6/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn U', sinh năm 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh B; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; bố: Nguyễn Văn T8; Mẹ: Nguyễn Thị T9; vợ: Lại Thị T10; có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 81/2012/HSPT ngày 17/5/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 36 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật”, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày T6 án phúc thẩm; nhân thân: Năm 2010 bị Công an huyện Yên Dũng xử phạt hành chính

về hành vi Đánh bạc; bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 07/5/2017 đến ngày 10/5/2017; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án còn có các bị cáo khác, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Khoảng 09 giờ ngày 06/5/2017, Nguyễn Đức N3 gọi điện cho Ngụy Đình T1 để hỏi T1 xem có chỗ nào để đánh bạc không, T1 trả lời để T1 hỏi xem, sau đó T1 điện hỏi Ngụy Đình T là anh trai T1 ở cùng thôn xem có đồng ý cho một số đối tượng đánh bạc tại nhà T không, thì T đồng ý sau đó T1 điện thoại báo cho N3 đến nhà T. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T1 điện thoại cho Ngụy Ngọc P đến nhà T để đánh bạc. Sau khi gọi cho P, T1 đi xe mô tô đến nhà T thì thấy ở tầng 2 nhà T có T, Nguyễn Đức N3, Nguyễn Văn U', Phạm Văn T2, Ngô Văn T11, Ngô Văn D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H3 đang ngồi uống nước nên T1 vào ngồi cùng. Một lúc sau có Vũ Văn T4, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn L1, Ngụy Ngọc P đến vào ngồi uống nước. Quá trình ngồi uống nước các đối tượng rủ nhau “Đánh bạc” dưới hình thức đánh “Sóc đĩa” sát phạt nhau được thua bằng tiền. Do chưa có bài vị để sóc nên T1 sử dụng 01 con dao chuôi bằng gỗ, lấy 01 thanh tre và 01 khúc gỗ có sẵn ở nhà T để làm 04 quân bài vị bằng tre, sau đó bôi một mặt màu đen, một mặt màu trắng để phục vụ cho việc đánh bạc. Trong khi T1 làm quân bài vị thì P trải chiếu, lấy 01 đĩa sứ và 01 bát con bằng sứ ở trong phòng nhà T đem ra để phục vụ cho việc đánh bạc.

Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày các đối tượng gồm T1, T6, P, L1, T4, N3, U', T2, T11, D ngồi vào tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh sóc đĩa sát phạt nhau được thua bằng tiền; P trực tiếp sóc cái cho các đối tượng đánh bạc. Khi đánh bạc, các đối tượng sử dụng 01 bát con bằng sứ; 01 đĩa sứ và 04 quân vị bằng tre, mỗi quân vị có một mặt màu đen và một mặt màu trắng. Khi đánh quy định bên chẵn và bên lẻ, mức đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng (đ), mức cao không hạn chế. Khi bắt đầu

đánh người sóc cái cho 04 quân vị vào đĩa rồi úp bát con bằng sứ lên sau đó cầm bát và đĩa lên sóc. Khi mở bát nếu trong bốn quân vị có hai quân cùng mặt màu đen, hai quân cùng mặt màu trắng hoặc cả bốn quân vị đều là màu đen hoặc đều là màu trắng thì được gọi là chẵn và người nào đặt tiền bên cửa chẵn sẽ được. Nếu trong bốn quân vị có một quân màu đen ba quân màu trắng hoặc ba quân màu đen một quân màu trắng thì được gọi là lẻ và người đặt tiền bên cửa lẻ sẽ được. Bên chẵn và bên lẻ tự đánh với nhau chứ không có ai làm hồ lý, không có ai làm bảng vị và đánh ở bảng vị.

Sau khi đánh được một ván do có việc nên T11 và D về trước, các đối tượng còn lại vẫn tiếp tục đánh bạc. Đánh được khoảng 3 đến 5 ván thì T1, T6, N3, U, T2 mỗi người bỏ ra 200.000đ xuống dưới chiếu bạc để nộp tiền hồ cho chủ nhà, số tiền hồ này T1 cầm rồi đưa cho T.

Các đối tượng đánh bạc được một lúc thì Phạm Văn N4, Nguyễn Văn X, Nguyễn Phan D1, Nguyễn Văn N, Hoàng Văn T11, Nguyễn Đình H4, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13, Phạm Trọng T5, Phạm Văn T14 đến nhà T, thấy đánh bạc cũng vào tham gia đánh bạc.

Trong khi các đối tượng đang đánh bạc thì có Nguyễn Ngọc V1 đến chơi và xem các đối tượng đánh bạc. Bản thân P sóc cái được khoảng 30 phút thì nghỉ ra về. Sau đó, T6 tiếp tục sóc cái cho các đối tượng đánh bạc. Sau khi về nhà được khoảng 30 phút thì P quay trở lại nhà T, đứng xem các đối tượng đánh bạc khoảng 10 phút thì P vào sóc cái thay T6.

Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện và bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ trên chiếu bạc: 02 chiếu nhựa màu xanh, kích thước (02 x 1,6)m, 01 tấm nỉ màu đỏ có nhiều hoa văn, 01 đĩa sứ có hoa văn màu đỏ, 01 bát con sứ có hoa văn màu hồng 04 quân vị bằng tre, 01 con dao chuôi bằng gỗ, 01 khúc gỗ, 01 thanh tre dài 20 cm, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO và 16.150.000đ. Tạm giữ trên người các đối tượng gồm: Thu giữ trên người Nguyễn Phan D1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, và số tiền 4.100.000đ; Thu giữ của Nguyễn

Ngọc V1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen; Phạm Văn T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 xe mô tô BKS : 98B2 - 471.02 và 7.500.000đ; Phạm Trọng T5: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen và 4.800.000đ; Phạm Văn T14: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu đỏ - đen và số tiền 7.900.000đ; Nguyễn Văn L1 : 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng - trắng; Ngụy Ngọc P: 01 điện thoại Nokia, màu đen; 01 điện thoại Nokia, màu vàng; 01 xe mô tô BKS: 98M7 - 5705 và số tiền 7.030.000đ; Nguyễn Văn X: 01 điện thoại Nokia, màu đen; 01 điện thoại Nokia, loại X1; 01 xe mô tô BKS: 98G1 - 028.48 và số tiền 550.000đ; Ngụy Văn N: 01 điện thoại OPPO, màu hồng - trắng và số tiền 27.100.000đ; Ngụy Văn T12: 01 điện thoại HTC, màu đen, 01 xe ô tô BKS: 30S - 6873 và số tiền 900.000đ; Phạm Văn N4: 01 điện thoại Iphone 7 Plus; 01 xe mô tô BKS: 98B2 - 721.96 và số tiền 8.000.000đ; Nguyễn Đức N3: 01 điện thoại Nokia, vỏ màu xanh; 01 xe mô tô BKS: 98G1 - 030.27; Nguyễn Văn V: 01 điện thoại nhãn hiệu Mobie, màu đỏ - đen và số tiền 185.000đ; Nguyễn Văn U: 01 điện thoại Nokia, màu xanh - đen; Ngụy Đình H4: 01 điện thoại Iphone 5, màu xám và số tiền 1.480.000đ; Hoàng Văn T11: 01 điện thoại Nokia, màu vàng, 01 xe mô tô BKS: 98B2 - 753.15 và số tiền 9.800.000đ; Nguyễn Văn H3: 01 điện thoại Nokia, màu đen; 01 điện thoại Iphone 5, màu vàng; Ngô Văn T13: 01 điện thoại Nokia, màu đen; 01 xe mô tô BKS: 98L4 – 8334; Vũ Văn T4: 01 điện thoại Iphone 5, màu bạc; Nguyễn Văn T3: 01 điện thoại OPPO, màu vàng; 01 xe mô tô BKS: 98B2 - 930.19 và số tiền 215.000đ; Ngụy Đình T1: 01 điện thoại OPPO, màu đen; 01 (một) xe mô tô BKS: 13 - 880 - G5 và số tiền 1.700.000đ; Ngụy Đình T: 01 xe mô tô BKS: 98N6 – 2666. Khám xét khẩn cấp nhà và chỗ ở của Ngụy Đình T, thu giữ 13 quyển sổ các loại, 01 máy tính bảng IPAD, màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 950.000đ.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai nhận có hành vi gá bạc và đánh bạc như trên. Về số tiền dùng đánh bạc các đối tượng khai nhận:

1. Ngụy Đình T khai: Có nhận được điện thoại của Ngụy Đình T1 bảo cho anh em đánh bạc ở nhà T và T đồng ý. Sau đó các đối tượng đến nhà T và đi lên phòng tầng

hai nhà T để đánh bạc. Ban đầu có khoảng 8 - 9 người, sau đó có khoảng 20 người tham gia đánh bạc. T có nhận được tiền hồ của một người đưa cho nhưng T không kiểm tra mà cho luôn vào túi quần rồi đi xuống tầng một. Đến khi công an bắt quả tang và khám xét đã thu giữ số tiền 950.000đ tại bàn phòng khách tầng một là tiền đánh bạc, 13 quyển sổ các loại; 01 máy tính bảng IPAD, màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bị thu giữ không liên quan đến đánh bạc.

2. Ngụy Đình T1 khai: T1 trực tiếp làm 04 (bốn) quân vị bằng tre để mọi người đánh bạc. Trước khi tham gia đánh bạc, T1 có tổng số tiền là 2.200.000đ, sử dụng 500.000đ vào mục đích đánh bạc và bị thua bạc, chiếc điện thoại di động bị thu giữ dùng liên lạc để đánh bạc. Chiếc xe mô tô và số tiền bị thu giữ 1.700.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

3. Ngụy Ngọc P khai: P trực tiếp trải chiếu, lấy bát, đĩa để cho các đối tượng đánh bạc. Đồng thời P trực tiếp sóc cái hộ cho các đối tượng. Sóc cái được khoảng 10 ván thì U cho P số tiền là 100.000đ. Chiếc xe mô tô bị thu giữ không sử dụng đánh bạc. 02 chiếc điện thoại di động bị thu giữ có 01 chiếc Nokia (màn hình đen – trắng) vỏ màu đen dùng để liên lạc đánh bạc; 01 chiếc loại Nokia (màn hình đen – trắng) có vỏ màu vàng không liên quan đến đánh bạc. Số tiền bị thu giữ 7.030.000đ có 100.000đ là tiền đánh bạc còn 6.930.000đ không sử dụng đánh bạc.

4. Nguyễn Văn T3 khai: Trước khi đánh bạc, T3 có tổng số tiền là 1.300.000đ, sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc đánh bạc bị thua bạc còn lại 215.000đ bị thu giữ là tiền đánh bạc. Chiếc xe moto và chiếc điện thoại bị thu giữ không dùng đánh bạc.

5. Nguyễn Đức N3 khai: Trước khi đánh bạc, N3 có tổng số tiền là 800.000đ sử dụng toàn bộ vào việc đánh bạc và bị thua bạc. Chiếc điện thoại bị thu giữ là dùng để gọi liên lạc đánh bạc; chiếc xe mô tô bị thu giữ không liên quan đến việc đánh bạc.

6. Phạm Văn T2 khai: Trước khi đánh bạc, T2 có 7.500.000đ, sử dụng 1.500.000đ để đánh bạc không thua, không thắng. Số tiền bị thu giữ có 1.500.000đ là tiền đánh bạc. Chiếc điện thoại và xe mô tô bị thu giữ không liên quan đến đánh bạc.

7. Nguyễn Văn U khai: Trước khi đánh bạc, U có 1.000.000đ, sử dụng 300.000đ vào việc đánh bạc và bị thua bạc, cho P 100.000đ để đánh bạc. Số tiền còn lại là 600.000đ để trong túi quần không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi công an vào bắt quả tang do sợ hãi nên U đã vứt 600.000đ ở trong túi quần xuống chiếu bạc.

8. Phạm Văn N4 khai: Trước khi đánh bạc, N4 có 9.300.000đ sử dụng 1.300.000đ để đánh bạc và bị thua bạc. 01 chiếc điện thoại, 01 xe mô tô và 8.000.000đ bị thu giữ không sử dụng đánh bạc.

9. Vũ Văn T4 khai: Trước khi đánh bạc, T4 có 100.000đ, sử dụng để đánh bạc và bị thua bạc. Chiếc điện thoại bị thu giữ không liên quan đến đánh bạc.

10. Nguyễn Văn L1 khai: Trước khi đánh bạc, L1 có 200.000đ sử dụng toàn bộ đánh bạc và bị thua bạc. Chiếc điện thoại bị thu giữ không liên quan đến đánh bạc.

11. Nguyễn Văn X khai: Trước khi đánh bạc, X có 650.000đ, sử dụng 100.000đ đánh bạc, thua bạc nên không đánh nữa. Chiếc xe mô tô, 02 chiếc điện thoại và 550.000đ bị thu giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

12. Ngụy Phan D1 khai: Trước khi đánh bạc, D1 có 3.900.000đ, sử dụng 100.000đ đánh bạc, thắng bạc. Số tiền bị thu giữ 4.100.000đ, có 300.000 đồng là tiền đánh bạc. Chiếc điện thoại bị thu giữ không liên quan đến đánh bạc.

13. Ngụy Văn N khai: Trước khi đánh bạc, N có 27.600.000đ, dùng 500.000đ để đánh bạc và bị thua hết. Chiếc điện thoại và số tiền 27.100.000đ bị thu giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

14. Hoàng Văn T11 khai: Trước khi đánh bạc, T11 có 10.000.000đ, T11 bỏ ra 200.000đ để đánh bạc, bị thua bạc. 01 điện thoại, 01 xe mô tô và 9.800.000đ bị thu giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

15. Ngụy Đình H4 khai: Trước khi đánh bạc, H4 có 1.780.000đ, cho T12 vay 300.000đ còn 1.480.000đ, H4 bỏ ra 400.000đ để đánh bạc, không thắng không thua. Số tiền bị thu giữ 1.480.000đ có 400.000đ là tiền đánh bạc, chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng đánh bạc.

16. Ngụy Văn T12 khai: Vay H4 300.000đ để đánh bạc và bị thua bạc. Số tiền 900.000đ bị thu giữ, 01 điện thoại, 01 xe mô tô bị thu giữ không dùng để đánh bạc.

17. Ngô Văn T13 khai: Trước khi đánh bạc, T13 có 700.000đ, sử dụng toàn bộ đánh bạc và bị thua bạc. Chiếc điện thoại và xe mô tô bị thu giữ không liên quan đến đánh bạc.

18. Phạm Trọng T5 khai: Trước khi đánh bạc, T5 có 5.000.000đ, dùng 200.000đ để đánh bạc và bị thua bạc. Số tiền 4.800.000đ và chiếc điện thoại bị thu giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

19. Phạm Văn T14 khai: Trước khi đánh bạc, T14 có 8.000.000đ, dùng 100.000đ để đánh bạc bị thua bạc. Chiếc điện thoại di động và số tiền 7.900.000đ bị thu giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Như vậy, số tiền thu trên chiếu bạc là 16.150.000đ, trong đó 15.550.000đ là tiền đánh bạc, thu trên người các đối tượng 81.075.000đ, trong đó có 2.515.000đ là tiền đánh bạc; số tiền 950.000đ thu giữ của bị cáo T là tiền hồ của các đối tượng đánh bạc nộp cho T. Số tiền liên quan đến việc đánh bạc là 19.015.000đ; các đối tượng thừa nhận tổng số tiền đánh bạc là 9.850.000 đ.

Đối với Ngô Văn D và Ngô Văn T11 có hành vi tham gia đánh bạc tại nhà T ngày 06/5/2017 cùng với N3, U, T1, P, T4, T6, L1. T11 và D đánh một ván với số tiền là 50.000đ sau đó bị thua bạc không đánh nữa và đi về. Tại thời điểm T11 và D tham gia đánh bạc cùng các đối tượng thì tổng lượng tiền trên chiếu bạc khoảng 1.000.000đ, tổng số tiền đánh bạc của các đối tượng khi T11 và D bỏ về là dưới 5.000.000 đ. Cơ quan Công an huyện Yên Dũng đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D và T11.

Đối với Ngụy Ngọc V1, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn H3 có mặt tại nơi đánh bạc. Bản thân V1, V, H3 khai không tham gia đánh bạc, ngoài lời khai không có các chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với số tài sản thu giữ không liên quan đến việc đánh bạc, cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu gồm: Trả Ngụy Phan D1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu

OPPO, màu hồng - trắng; Phạm Văn T2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng - trắng, 01 xe mô tô BKS : 98B2 - 471.02; Phạm Trọng T5: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen; Nguyễn Văn L1 : 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu vàng - trắng; Ngụy Ngọc P: 01 xe mô tô BKS: 98M7 – 5705; Nguyễn Văn X: 01 điện thoại Nokia, màu đen, 01 điện thoại Nokia, loại X1, 01 xe mô tô BKS: 98G1 - 028.48; Ngụy Văn N: 01 điện thoại OPPO, màu hồng - trắng; Ngụy Văn T12: 01 xe ô tô BKS: 30S – 6873; Phạm Văn N4: 01 điện thoại Iphone 7 Plus, 01 xe mô tô BKS: 98B2 - 721.96; Nguyễn Đức N3: 01 xe mô tô BKS: 98G1 - 030.27; Nguyễn Văn U: 01 điện thoại Nokia, màu xanh – đen; Ngụy Đình H4: 01 điện thoại Iphone 5, màu xám; Hoàng Văn T11: 01 điện thoại Nokia, màu vàng, 01 xe mô tô BKS: 98B2 - 753.15; Nguyễn Văn H3: 01 điện thoại Nokia, màu đen, 01 điện thoại Iphone 5, màu vàng; Ngô Văn T13: 01 điện thoại Nokia, màu đen, 01 xe mô tô BKS: 98L4 – 8334; Vũ Văn T4: 01 điện thoại Iphone 5, màu bạc; Nguyễn Văn T3: 01 điện thoại OPPO, màu vàng, 01 xe mô tô BKS: 98B2 - 930.19; Ngụy Đình T1: 01 xe mô tô BKS: 13 - 880 - G5; Ngụy Đình T: 01 xe mô tô BKS: 98N6 – 2666; Ngụy Đình S3, sinh năm 1984, ở thôn B, xã T, huyện Y (Là con trai của Ngụy Đình T) 01 máy tính bảng IPAD.

Vật chứng của vụ án chưa xử lý gồm: 02 chiếc nhựa màu xanh, kích thước (2 x 1,6)m; 01 tấm nỉ màu đỏ; 01 đĩa sứ có hoa văn màu đỏ; 01 bát con sứ có hoa văn màu hồng; 04 quân vị bằng tre; 01 con dao chuôi bằng gỗ; 01 khúc gỗ; 01 thanh tre dài khoảng 20 cm; Số tiền 98.360.000đ; 01 điện thoại di động hiệu OPPO thu giữ khi bắt quả tang; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có số IMEL 1: 357149062383900; số IMEL 2: 357149062383918; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số IMEL: 356489/06/810614/0; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL, màu đỏ - đen, số IMEL: 355608077836527/355608077836535; 01 điện thoại Nokia, màu đen, số seri: 354896085249822; 01 điện thoại Nokia, màu vàng, số seri : 355211052686692; 01 điện thoại HTC, màu đen, số seri: LC 61 NYPO 5223; 01 điện thoại Nokia, vỏ màu xanh, số seri : 356041033076732; 01 điện thoại nhãn hiệu Mobie, màu đỏ - đen, số

IMEL 1: 812696060611519, IMEL2 : 812690606011519; 01 điện thoại OPPO, màu đen, số phiên bản : A33WEX -11 -17010; 13 quyền sở các loại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Ngụy Đình T phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Ngụy Đình T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn U, Ngụy Văn N, Vũ Văn T4, Phạm Trọng T5, Nguyễn Văn X, phạm tội “đánh bạc”.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ngụy Đình T.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn T3.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T2.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn U.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Ngụy Văn N, Vũ Văn T4.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Trọng T5.

Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn X.

Xử phạt:

1. Bị cáo Ngụy Đình T 13 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 06/06/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

2. Bị cáo Ngụy Đình T1 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 06/06/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 4.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

3. Bị cáo Phạm Văn T2 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

4. Bị cáo Nguyễn Văn T3 07 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

5. Bị cáo Nguyễn Văn U 05 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” tại bản án số 81/2012/HSPT ngày 17/05/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 03 năm 05 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/08/2011 đến ngày 07/11/2011 và từ ngày 07/05/2017 đến ngày 10/05/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

6. Bị cáo Ngụy Văn N 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

7. Bị cáo Vũ Văn T4 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

8. Bị cáo Phạm Trọng T5 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 06/06/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

9. Bị cáo Nguyễn Văn X 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

Phạt bổ sung bằng tiền: 3.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước

Ngoài ra bản án T6 phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và T6 quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, các bị cáo Ngụy Văn N, Phạm Trọng T5, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn T3, Vũ Văn T4, Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn U' cùng có đơn kháng cáo, cụ thể:

Các bị cáo Ngụy Văn N, Phạm Trọng T5, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn T3, Vũ Văn T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo vì lý do hình phạt chính án sơ thẩm xử nặng. Các bị cáo Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn U' có đơn xin giảm nhẹ hình phạt vì lý do hình phạt chính án sơ thẩm xử nặng.

Ngày 31/7/2018 bị cáo Vũ Văn T4 đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Ngày 01/8/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Thông báo về việc bị cáo T4 rút kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Ngụy Văn N giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 tháng tù là quá cao.

Bị cáo Ngụy Đình T1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là quá cao, bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt mọi quy định của pháp luật, bị cáo có bố đẻ và bố vợ được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương.

Bị cáo Nguyễn Văn Ư giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 tháng tù là quá cao so với hành vi của bị cáo. Từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước, thực chất chỉ là bị cáo mãi vui ngồi chơi bài dẫn đến vi phạm pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nhận ra khuyết điểm và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo đang trực tiếp thờ cúng liệt sỹ, bị cáo có bố vợ được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già, vợ bệnh tật ốm yếu, các con còn nhỏ đang đi học.

Bị cáo Phạm Trọng T5 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do bị cáo thấy án sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 tháng tù là quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị cáo có đi bộ đội ở biên giới, gia đình bị cáo có huân huy chương chống Pháp và chống mỹ. Trong quá trình điều tra cũng như xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo Ngụy Đình T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 tháng tù là quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước, bị cáo thực chất chỉ là cả nể cho bạn bè đến nhà ngồi chơi bài dẫn đến vi phạm pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thực sự nhận ra khuyết điểm và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo đang trực tiếp nuôi dưỡng mẹ vợ là bà Ngụy Thị N5 là vợ ông Ngụy Tôn D2 thương binh đặc biệt $\frac{1}{4}$ đã chết, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, có mẹ già, vợ bệnh tật ốm yếu. Bị cáo có bố đẻ là Ngụy Đình S được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, bản thân bị cáo có 05 năm đi bộ đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và trở về

xây dựng quê hương, hiện nay bị cáo thường xuyên đau ốm bệnh huyết áp cao, máu nhiễm mỡ.

Bị cáo Phạm Văn T2 giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 tháng tù là quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn X giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 tháng tù là quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân bị cáo luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn T3 giữ nguyên kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với lý do án sơ thẩm xử phạt bị cáo 07 tháng tù là quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn X, Ngụy Văn N, Nguyễn Văn U, Phạm Trọng T5. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T2, xử phạt bị cáo T2 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T3, giảm một phần hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Bị cáo T5 tranh luận: Bị cáo phạm tội lần đầu, xin được án treo.

Kiểm sát viên đối đáp: Bị cáo có nhân thân năm 2008 bị công an huyện Yên Dũng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, nên VKS giữ nguyên quan điểm.

Các bị cáo khác không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các bị cáo: T1, X, N, U, T6 đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T5: Xin hưởng án treo.

Bị cáo T2: Không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn N, Vũ Văn T4, Phạm Trọng T5 và Nguyễn Văn U đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 31/7/2018 bị cáo Vũ Văn T4 đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Ngày 01/8/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Thông báo về việc bị cáo T4 rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị cáo T4.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa thấy đủ cơ sở xác định:

Ngày 06/5/2017 tại thôn B, xã T, huyện Y, Nguyễn Đình T sử dụng nhà của mình cho 18 người đánh bạc và thu được 950.000đ tiền hồ.

Các bị cáo Nguyễn Đình T1, Nguyễn Đức N3, Nguyễn Văn U, Phạm Văn T2, Phạm Văn N4, Ngô Văn T13, Nguyễn Văn T3, Vũ Văn T4, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Đình H4, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Phan D1, Phạm Trọng T5, Nguyễn Ngọc P, Nguyễn Văn X, Hoàng Văn T11, Phạm Văn T14 có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa; tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 19.015.000đ, trong đó có 15.550.000 đ thu trên chiếu bạc, 950.000 đ thu của Nguyễn Đình T và 2.515.000 đ thu của các đối tượng; các đối tượng thừa nhận tổng số tiền đánh bạc là 9.850.000 đ.

Hành vi của các bị cáo xảy ra tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực thi hành vì vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Gá bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn U, Phạm Văn T2, Vũ Văn T4, Nguyễn Văn N, Phạm Trọng T5, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn U thấy:

Bị cáo Nguyễn Đình T là người có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị xử phạt về tội “Đánh bạc”, bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm mà nay lại tiếp tục cho các đối tượng khác đánh bạc tại nhà mình, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc”, điều này cho thấy thái độ coi thường pháp luật của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Đình T1 là người liên lạc với bị cáo T để tìm nơi đánh bạc, trực tiếp làm quân vị để phục vụ cho việc đánh bạc, tham gia đánh bạc tích cực từ đầu với số tiền 500.000đ nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án đánh bạc; các bị cáo giữ vai trò sau bị cáo T1 là bị cáo Nguyễn Văn T3 người trực tiếp sóc cái, tham gia đánh bạc với số tiền 1.300.000đ; Bị cáo Nguyễn Văn U tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền 300.000 đ; bị cáo Nguyễn Văn N đến sau tham gia đánh bạc 500.000đ; bị cáo Phạm Trọng T5 tham gia đánh bạc 200.000đ; bị cáo Nguyễn Văn X tham gia đánh bạc với số tiền 100.000đ.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn X đã phạm tội nhưng chưa được xóa án tích nay phạm tội do cố ý là tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo T có thời gian phục vụ trong quân đội; các bị cáo T, T1 có bố, mẹ tham gia kháng chiến và được tặng thưởng huân huy chương; gia đình bị cáo U đang thờ cúng liệt sỹ. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo T, T1, U được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Tòa cấp sơ thẩm sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của bị cáo và xét xử bị cáo Ngụy Đình T1 09 tháng tù, Nguyễn Văn U 05 tháng tù, Ngụy Văn N 04 tháng tù, Nguyễn Văn X 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Ngụy Đình T 13 tháng tù về tội “Gá bạc” là phù hợp, không nặng.

Đối chiếu với các căn cứ quy định của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì các bị cáo Ngụy Văn N, Nguyễn Văn X không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Ngụy Văn N đã tự nguyện nộp 3.200.000 đồng tiền phạt, án phí theo biên lai thu tiền số AA/2010/007432 ngày 27/7/2018; Bị cáo Ngụy Đình T đã tự nguyện nộp 5.200.000 đồng tiền phạt, án phí theo biên lai thu tiền số AA/2010/007433 ngày 27/7/2018; Bị cáo Nguyễn Văn X tự nguyện nộp 2.650.000 đồng tiền phạt, án phí theo biên lai thu tiền số AA/2010/007435 ngày 01/8/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cần áp dụng cho các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn U, Ngụy Đình T1 không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Tuy nhiên các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, tham gia đánh bạc với vai trò tích cực, bị cáo Ước và bị cáo Xuân có tình tiết tăng nặng là tái phạm nên mức án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp và có phần khoan hồng với các bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần không chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn U, Ngụy Văn N, Nguyễn Văn X, Ngụy Đình T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T2, Phạm Trọng T5 thấy: các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T5 có thời gian phục vụ trong quân đội và có bố mẹ tham gia kháng chiến được nhà nước tặng thưởng huân huy chương nên bị cáo T2, T5 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo T5 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Phạm Trọng T5 đã tự nguyện nộp 3.200.000 đồng tiền phạt và án phí sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/007434 ngày 30/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cần áp dụng đối với bị cáo T5.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy bị cáo Phạm Văn T2, Phạm Trọng T5 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 nên các bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mức hình phạt cấp sơ thẩm xét xử 08 tháng đối với bị cáo T2, 03 tháng đối với bị cáo Toàn là phù hợp và không nặng, nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do vậy chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T2, bị cáo T5, giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T3 thấy: Bị cáo tham gia đánh bạc với vai trò sau bị cáo T1, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố mẹ tham gia kháng chiến được nhà nước tặng thưởng huân huy chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có nhân thân xấu: năm 2014 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp 3.200.000 đồng tiền phạt và án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2010/007430 ngày 25/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm sau khi đánh giá vai trò, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã T6 phạt bị cáo 07 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là có căn cứ.

Đối chiếu với các căn cứ quy định của Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo Nguyễn Văn T3 không đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[5] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Do không được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn X, Ngụy Văn N, Vũ Văn U phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Bị cáo Phạm Văn T2, Phạm Trọng T5, Nguyễn Văn T3 được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn X, Ngụy Văn N, Nguyễn Văn U. Giữ nguyên phần bản án sơ thẩm đối

với các bị cáo Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn X, Ngụy Văn N, Nguyễn Văn U’.

T6 bổ: Bị cáo Ngụy Đình T phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Ngụy Đình T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn U’, Ngụy Văn N, Phạm Trọng T5, Nguyễn Văn X phạm tội “đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ngụy Đình T.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Ngụy Đình T1.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn X.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Ngụy Văn N.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn U’.

Xử phạt:

1. Bị cáo Ngụy Đình T 13 (mười ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 06/06/2017 vào thời gian thụ hình.

2. Bị cáo Ngụy Đình T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 06/06/2017 vào thời gian thụ hình.

3. Bị cáo Nguyễn Văn U’ 05 (năm) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” tại bản án số 81/2012/HSPT ngày 17/05/2012

của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang: Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 03 năm 05 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/08/2011 đến ngày 07/11/2011 và từ ngày 07/05/2017 đến ngày 10/05/2017 vào thời gian thụ hình.

4. Bị cáo Ngụy Văn N 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

5. Bị cáo Nguyễn Văn X 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

[2] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T2, Phạm Trọng T5. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Văn T2.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Trọng T5.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 08 (T) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Trọng T5 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; Giao bị cáo Phạm Trọng T5 cho Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Y, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T3. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T3.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 07/05/2017 đến ngày 16/05/2017 vào thời gian thụ hình.

[4] Xác nhận các bị cáo Ngụy Văn N nộp 3.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/007432 ngày 27/7/2018, Ngụy Đình T nộp 5.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/007433 ngày 27/7/2018, Nguyễn Văn X nộp 2.650.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/007435 ngày 01/8/2018, Phạm Trọng T5 nộp 3.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/007434 ngày 30/7/2018, Nguyễn Văn T3 nộp 3.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2010/007430 ngày 25/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Các bị cáo Ngụy Đình T, Ngụy Đình T1, Nguyễn Văn X, Ngụy Văn N, Vũ Văn U, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Phạm Văn T2, Phạm Trọng T5, Nguyễn Văn T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T6 án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKS, Tòa án, Công an huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi

